

Bản án số: 77/2018/HSST
Ngày: 10/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: bà Đoàn Thị Loan và bà Ngô Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa: Ông Lê Đại - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 82/2018/HSST ngày 25 tháng 7 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2018/ QĐXXST- HS ngày 27 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ**; Tên gọi khác: không. Sinh ngày: 02/02/1982. Nơi cư trú: Xóm TT, xã DH, huyện D, tỉnh Nghệ An. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Nguyễn Xuân Ch (đã chết); Con bà: Trần Thị Q (đã chết). Vợ: Mai Thị Nh, sinh năm: 1985; Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2018 đến ngày 25/6/2018, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Đậu Văn T**; Tên gọi khác: không. Sinh ngày: 08/8/1971.

Nơi cư trú: Xóm TT, xã DH, huyện D, tỉnh Nghệ An. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Đậu Văn S, sinh năm: 1930; Con bà: Lê Thị S, sinh năm 1932; Vợ: Hồ Thị H, sinh năm 1981. Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000 và con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Trần Văn N**; Tên gọi khác: không. Sinh ngày: 20/3/1987.

Nơi cư trú: Xóm 6, xã DM, huyện D, tỉnh Nghệ An. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Văn S, sinh năm: 1952; Con bà: Nguyễn

Thị Q, sinh năm: 1955. Vợ: Trần Thị L sinh năm: 1992; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2011 và con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2018 đến ngày 28/6/2018, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Văn Ch**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 06/01/1983. Nơi cư trú: Xóm HT, xã DH, huyện D, tỉnh Nghệ An. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ văn hóa: 07/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1941. Con bà: Võ Thị H, sinh năm: 1952. Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1991; Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008 và con nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2018 đến ngày 28/6/2018 và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa

5. Họ và tên: **Trần Văn S**; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 02/01/1991. Nơi cư trú: Xóm 6, xã DM, huyện D, tỉnh Nghệ An. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ văn hóa: 3/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Văn Ch, sinh năm: 1960, Con bà: Lê Thị V, sinh năm: 1958 ; Vợ, con: chưa có; Tiền án, Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2018 đến ngày 28/6/2018, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa

6. Họ và tên: **Trần Văn Th**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 02/7/1982. Nơi cư trú: Xóm 6, xã DM, huyện D, tỉnh Nghệ An. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Văn H, sinh năm: 1945; Con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1949. Vợ: Trần Thị L, sinh năm: 1991; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2018 đến ngày 28/6/2018, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Nguyễn Văn D**; Tên gọi khác: không. Sinh ngày: 19/9/1992. Nơi cư trú: Xóm HT, xã DH, huyện D, tỉnh Nghệ An. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ văn hóa: 3/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn H (đã chết); Con bà: Liễu Thị B, sinh năm: 1966. Vợ: Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm: 1998, Con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2018 đến ngày 28/8/2018, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: **Trần Thanh T**; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 10/8/1988. Nơi cư trú: Xóm 6, xã DM, huyện D, tỉnh Nghệ An. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông: Trần Thanh T, sinh năm: 1965; Con bà: Lê Thị Th, sinh năm: 1969. Vợ: Ngô Thị X, sinh năm: 1989; có 3 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2018 đến ngày 28/6/2018, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 22 tháng 6 năm 2018, sau khi bốc vác xong tại khu công nghiệp thuộc xã DH, huyện D, các đối tượng gồm Trần Văn Th, Trần Văn S, Trần Văn N và Trần Thanh T cùng Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Ch đi đến quán cháo Mai Chi thuộc khu công nghiệp xã DH để ăn cháo và xem bóng đá. Khi đến đây các đối tượng gặp chủ quán Nguyễn Văn Đ. Sau khi ăn cháo xong Trần Văn Th, Trần Văn S, Trần Văn N, Trần Thanh T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Ch cùng Nguyễn Văn Đ rủ nhau đánh bài chược (ba cây, bài mười). Nguyễn Văn Đ lấy một bộ bài tú lơ khơ 52 quân có sẵn trong quán rồi loại các quân bài từ 10 đến K ra và sử dụng các quân bài từ A đến 9 để đánh bạc. Các đối tượng trải chiếu và ngồi đánh bạc ở sân của quán cháo, thống nhất đặt mức thấp nhất là 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng), cao nhất thì không quy định. Đánh được khoảng 40 phút thì Trần Văn Th hết tiền nên ra ngoài ngồi xem. Khoảng 10 phút đến 15 phút sau thì Nguyễn Văn D và Trần Thanh T cũng hết tiền nên ra ngoài ngồi xem. Những người còn lại tiếp tục đánh bạc. Lúc này Đậu Văn T đến ăn cháo, sau khi ăn xong thì T cũng vào tham gia đánh bạc. Đến 3 giờ 30 phút cùng ngày tổ công tác Công an huyện D bắt quả tang các đối tượng trên đang đánh bạc và thu giữ tại chiếu bạc số tiền 10.200.000 đồng (mười triệu hai trăm nghìn đồng), 36 quân bài tú lơ khơ từ quân A đến quân 9.

Quá trình điều tra xác định được như sau:

1. Nguyễn Văn Đ sử dụng số tiền 3.100.000 đồng (ba triệu một trăm nghìn đồng) để đánh bạc; khi bị bắt thì thu giữ toàn bộ số tiền này trên chiếu bạc.
2. Đậu Văn T sử dụng số tiền 3000.000 đồng (ba triệu đồng) để đánh bạc, khi bị bắt thì bị thu giữ toàn bộ số tiền này trên chiếu bạc.
3. Nguyễn Văn Ch sử dụng số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) để đánh bạc, khi bị bắt thu giữ toàn bộ số tiền này trên chiếu bạc;
4. Trần Văn N sử dụng 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng) để đánh bạc, khi bị bắt thì bị thu giữ toàn bộ số tiền này.
5. Trần Thanh T sử dụng số tiền 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) để đánh bạc, đánh thua hết toàn bộ số tiền này.
6. Trần Văn S sử dụng số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) để đánh bạc, khi bị bắt thì bị thu giữ toàn bộ số tiền này.
7. Trần Văn Th sử dụng số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) để đánh bạc và thua hết số tiền này.
8. Nguyễn Văn D sử dụng số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) để đánh bạc.

Bản cáo trạng số 88/CT-VKSDC ngày 24/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố các bị cáo: Nguyễn Văn Đ, Đậu Văn T, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn D, Trần Văn N, Trần Văn S, Trần Văn Th, Trần Thanh T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị cáo Đậu Văn T mỗi bị cáo từ 6 tháng đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn D, Trần Văn N, Trần Văn S, Trần Văn Th, Trần Thanh T mỗi bị cáo từ 9 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập mỗi bị cáo một tháng từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng.

Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ bài tú lơ khơ; tịch thu sung quỹ nhà nước 10.200.000 đồng (Mười triệu hai trăm nghìn đồng) là phương tiện phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận về tội danh, và chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Vào khoảng 2 giờ 30 phút ngày 22 tháng 6 năm 2018 tại quán cháo Mai Chi thuộc khu công nghiệp xã DH các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đậu Văn T, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn D, Trần Văn N, Trần Văn S, Trần Văn Th, Trần Thanh T đã có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền với hình thức đánh bài 10. Đến 3 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện D bắt quả tang thu tại chiếu bạc số tiền 10.200.000 đồng và một bộ bài tú lơ khơ 36 quân từ quân A đến quân 9. Các bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, mục đích và động cơ của các bị cáo là vụ lợi. Các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực trách nhiệm hình sự. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp các chứng cứ, tài liệu thu thập có tại hồ sơ vụ án thì đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đậu Văn T, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn D, Trần Văn N, Trần Văn S, Trần Văn Th, Trần Thanh T phạm tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 321 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án: Tính chất vụ án ít nghiêm trọng, các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm giản đơn. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự trị an công cộng, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội mà Nhà nước nghiêm cấm dưới mọi hình thức. Trong tình hình hiện nay tại địa bàn huyện D đánh bạc có chiều hướng gia tăng, đang lan dần đến từng thôn xóm, nó làm băng hoại đạo đức lối sống, thuần phong mỹ tục và gây ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế của bản thân, gia đình và xã hội. Là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Thế nhưng do ý thức coi thường pháp luật nên các bị cáo đã phạm tội. Vì vậy cần phải lên một mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, để có tính chất răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò và nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm giản đơn nên cần phải xem xét vai trò, nhân thân, mức độ thực hiện tội phạm của từng bị cáo để lên mức hình phạt sát đúng tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối với Nguyễn Văn Đ sử dụng số tiền đánh bạc 3.100.000 đồng, bị cáo là chủ quán cho các đối tượng đánh bạc tại quán của mình và cùng tham gia đánh bạc nên chịu vai trò chính trong vụ án; Đối với Đậu Văn T số tiền dùng để đánh bạc là 3.000.000 đồng nên chịu vai trò thứ hai trong vụ án; Các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn D, Trần Văn N, Trần Văn S, Trần Văn Th, Trần Thanh T có vai trò ngang nhau trong vụ án, số tiền dùng để đánh bạc từ 400.000 đồng đến 900.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu trong trường hợp ít nghiêm trọng, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, i khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét áp dụng để giảm một phần hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo có nhân thân tốt, luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật của nhà nước và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo, cải tạo không giam giữ không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự. Vì vậy chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục là đủ nghiêm.

Đối với bị cáo Đ và bị cáo T cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Đối với các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn D, Trần Văn N, Trần Văn S, Trần Văn Th, Trần Thanh T cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/6/2018 đến 28/6/2018 vào thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ, cứ một ngày tạm giữ bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ.

Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ khấu trừ một phần thu nhập. Xét các bị cáo có thu nhập ổn định bình quân một tháng mỗi bị cáo thu nhập từ 3.000.000 đồng đến

4.000.000 đồng. Nên cần khấu trừ thu nhập mỗi bị cáo một tháng 500.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

[5] Hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 3 điều 321 BLHS quy định: “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng”, do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đậu Văn T, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn D, Trần Văn N, Trần Văn S, Trần Văn Th, Trần Thanh T có thu nhập thấp, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.200.000 đồng (Mười triệu hai trăm ngàn đồng) và tịch thu tiêu hủy 1 bộ bài Tú lơ khơ 36 quân từ A đến 9.

Tình trạng vật chứng theo phiếu nhập số 0403 ngày 25/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Nghệ An.

[7] Về án phí: Áp dụng điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đậu Văn T, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn D, Trần Văn N, Trần Văn S, Trần Văn Th, Trần Thanh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn Đ 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Đậu Văn T 6 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đậu Văn T cho Ủy ban nhân dân xã DH, huyện D, tỉnh Nghệ An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã DH và người được phân công trong việc giám sát, giáo dục bị cáo, thông báo kết quả chấp hành án của bị cáo với Ủy ban nhân dân xã khi có yêu cầu.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

Căn cứ Khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn Ch 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, Nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 22/6/2018 đến 28/6/2018, bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập của bị cáo một tháng 500.000 đồng để sung công quỹ nhà nước về tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn D 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, Nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 22/6/2018 đến 28/6/2018, bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập của bị cáo một tháng 500.000 đồng để sung công quỹ nhà nước về tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Trần Văn N 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, Nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 22/6/2018 đến 28/6/2018, bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập của bị cáo một tháng 500.000 đồng để sung công quỹ nhà nước về tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Trần Văn S 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, Nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 22/6/2018 đến 28/6/2018, bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập của bị cáo một tháng 500.000 đồng để sung công quỹ nhà nước về tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Trần Văn Th 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, Nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 22/6/2018 đến 28/6/2018, bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập của bị cáo một tháng 500.000 đồng để sung công quỹ nhà nước về tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Trần Thanh T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, Nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 22/6/2018 đến 28/6/2018, bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập của bị cáo một tháng 500.000 đồng để sung công quỹ nhà nước về tội “Đánh bạc”.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ kể từ ngày UBND xã DH và UBND xã DM nhận được quyết định Thi hành án và bản sao bản án. Giao các bị cáo Trần Văn N, Trần Văn S, Trần Văn Th, Trần Thanh T cho UBND xã DM, huyện D, tỉnh Nghệ An và giao các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn D xã DH, huyện D, tỉnh Nghệ An giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã DH và UBND xã DM trong việc giám sát giáo dục đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.200.000 đồng (Mười triệu hai trăm ngàn đồng) và tịch thu tiêu hủy 1 bộ bài Tú lơ khơ 36 quân từ A đến 9.

Tình trạng vật chứng theo phiếu nhập số 0403 ngày 25/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Nghệ An.

Về án phí: Áp dụng điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đậu Văn T, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn D, Trần Văn N, Trần Văn S, Trần Văn Th, Trần Thanh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người TGTT;
- VKS huyện D;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Công an huyện (NVCS);
- Chi cục THA dân sự;
- THA hình sự;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ + Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Huyền